

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2023
V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Kỳ Trung
- Bà Lê Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn:* anh Võ Thành K, sinh năm: 1990; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Thành P, sinh năm: 1961; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh;

(tất cả có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1961; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh, (có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-6-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Phạm Thị Bích L trình bày:

- *Về hôn nhân:* chị và anh Võ Thành K tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào

năm 2013, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là phường G, thị xã T). Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, nhẫn cưới, nhưng vợ chồng bán chỉ phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, cả hai đi làm công nhân. Vợ chồng sống đến tháng 8-2016 anh K uống rượu với bạn bè, có lời qua tiếng lại cãi vã, đánh nhau, dẫn đến chết người, nên anh K bị truy tố và xử án tù chung thân về tội giết người, hiện anh K đang chấp hành án tại Đội 5, Trại giam C, huyện T, tỉnh Tây Ninh, lúc đầu mẹ con chị vẫn ở nhà chồng thì đi thăm anh K thường xuyên, lúc đó anh K và cha mẹ chồng yêu cầu chị làm thủ tục ly hôn lấy chồng khác để lo tương lai, nên từ năm 2020 chị về nhà cha mẹ ruột ở đi làm công nhân, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8-2016 đến nay. Do vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Võ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 02-8-2015, hiện chị gửi cho mẹ chồng nuôi dưỡng. Nay con theo ai người đó nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 25-7-2023 chị có đơn xin vắng mặt, do bận đi làm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-8-2023 bị đơn anh Võ Thành K trình bày: Anh và chị Phạm Thị Bích L tự nguyện tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là phường G, thị xã T). Cưới xong vợ chồng sống chung với gia đình anh. Vợ chồng sống không có mâu thuẫn, do năm 2016 anh bị bắt về tội “Giết người” và bị kết án tù chung thân, hiện anh đang chấp hành án tại trại giam C, tỉnh Tây Ninh. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: có 01 cháu cháu Võ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 02-8-2015, hiện cha mẹ anh đang nuôi dưỡng. Nay con theo ai người đó nuôi con, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 08-8-2023 anh có đơn đề nghị giải quyết xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 104 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Bích L với anh Võ Thành K; về con chung: giao cháu Võ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 02-8-2015, cho ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị L1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ông P, bà L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Y; về tài sản chung và nợ chung: anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị Phạm Thị Bích L, anh Võ Thành K, ông Võ Thành P có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do, bà L1 có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị L và anh K tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống anh K vi phạm pháp luật, bị bắt để điều tra, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2016, nên chị L xin ly hôn với anh K.

Xét thấy, do từ năm 2016 anh K vi phạm pháp luật, bị bắt để điều tra và Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt tù chung thân về tội “Giết người”, hiện anh K đang chấp hành án tại trại giam C, tỉnh Tây Ninh. Qua làm việc anh K đồng ý ly hôn với chị L. Chứng tỏ mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Võ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 02-8-2015, hiện đang sống với ông bà nội là ông P, bà L1. Chị L và anh K yêu cầu con sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng; ông P và bà L1 đồng ý tiếp tục nuôi cháu Y, không yêu cầu cấp dưỡng; qua xem xét cháu Y có nguyện vọng muốn sống với ông bà nội. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ, nghĩ nên giao cháu Y cho ông P và bà L1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và phù hợp với quy định tại Điều 81, 104 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận. Ghi nhận ông P, bà L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Y.

[4] *Về tài sản chung*: chị L, anh K khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị L, anh K khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị L chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 104 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Bích L đối với anh Võ Thành K. Chị L được ly hôn với anh K.

2. *Về con chung*: giao cháu Võ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 02-8-2015, cho ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị L1 được quyền tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông P, bà L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Y.

Chị L, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị L, anh K khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị L, anh K khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phạm Thị Bích L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027386 ngày 13-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị L nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Huynh, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An